

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12/4/2024.

(V/v: Ly hôn, nuôi con chung)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Lê Thị Kiều Thu.
2. Ông: Nguyễn Văn Đô.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thuỳ Chi - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P: Bà Huỳnh Nhã Uyên –
Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh
Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
574/2023/TLST- HNGĐ ngày 22/11/2023 “V/v: Ly hôn, nuôi con chung” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐST – HNGĐ ngày 21/02/2024,
Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST – HNGĐ ngày 20/3/2024 giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Trần Xuân H, sinh năm 1987.

Bị đơn: Ông Tôn Thất B, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2023, bản tự khai ngày
29/11/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trương Trần Xuân H
trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Tôn Thất B tự tìm quen biết nhau, đến năm
2006 thì đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Bình
Thuận, cấp ngày 7/3/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn.
Về sau vợ chồng tH xảy ra nhiều mâu thuẫn, do ông B ham mê cờ bạc, gây ra nợ
nần, không quan tâm đến đời sống vợ con, tH hay lăng mạ sỉ nhục bà. Vì thương
các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng chung sống. Đến nay, ông B vẫn không
thay đổi bản thân, đời sống gia đình không còn hạnh phúc. Nay bà xét thấy tình

cảm vợ chồng đã hết, nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tôn Thất B.

Về con chung: Có 02 con chung:

1/Tôn Trần Khánh B, sinh ngày 21/6/2006.

2/Tôn Trần Thùy D, sinh ngày 19/8/2017. Nay ly hôn, bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trương Trần Xuân H trình bày: bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Tôn Thất B vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay nên không còn tình cảm nữa. Về con chung, bà yêu cầu nuôi con không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Tôn Thất B có nơi cư trú tại khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do ông B thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: “Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa” theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa vắng mặt ông Tôn Thất B.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao con cho bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Tôn Thất B có nơi cư trú tại khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Xuân H về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

Tại phiên tòa hôm nay ông Tôn Thất B vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Trần Xuân H và ông Tôn Thất B là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 07/3/2006, số 22, quyển số 01. Theo bà H cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng tH xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông B gây nợ nần và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Theo biên bản xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, tH xuyên gây gổ về vấn đề tiền bạc, nợ nần của ông B. Qua đây, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông B thật sự là có mâu thuẫn xảy ra và mặc dù ông B biết được bà H làm đơn xin ly hôn với ông nhưng ông B vẫn bỏ mặc không quan tâm đến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chính vì vậy đã làm cho cuộc hôn nhân của ông bà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng hơn nữa, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông B đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt ông B, chứng tỏ ông B đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình nên việc xét xử vắng mặt ông B là phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng cho bà H.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Trần Xuân H.

Về con chung: có 2 con chung tên Tôn Trần Khánh B, sinh ngày 21/6/2006, Tôn Trần Thùy D, sinh ngày 19/8/2017. Nay ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, hiện nay các cháu đang ở với mẹ nên tiếp tục giao 2 con cho bà H nuôi dưỡng là có cơ sở. Đối với cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét.

[3]Về án phí: bà Trương Trần Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 01 Điều 51, khoản 01 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Xuân H.

-Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Trần Xuân H được ly hôn với ông Tôn Thất B.

-Về con chung: giao 2 con Tôn Trần Khánh B, sinh ngày 21/6/2006 và Tôn Trần Thùy D, sinh ngày 19/8/2017 cho bà Trương Trần Xuân H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/Về án phí: Bà Trương Trần Xuân H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Bà H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0019065 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố P, được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2024). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- UBND xã S, H, Bình Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ THU HÀ